ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG ĐH KHXH & NHÂN VĂN
ĐẾN SỐ: 904
NGÀY: 21/5/2025
CHUYỂN:

Số: 598/QĐ-ĐHQG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Công văn số 1741/ĐHQG-KHĐT ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc đề nghị rà soát, cập nhật Kế hoạch chiến lược của các đơn vị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Công văn số 2014/ĐHQG-KHĐT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn các đơn vị rà soát, cập nhật chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tại Hội nghị lần thứ XIX, Hội đồng trường, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Công văn số 135/XHNV-HCTH ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc điều chỉnh Chiến lược Trường giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn năm 2045 sau khi nhận được nội dung góp ý của các Ban Chức năng ĐHQG-HCM;

Căn cứ Nghị quyết số 303-NQ/ĐU ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Đảng ủy Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM lần thứ 74, nhiệm kỳ 2020-2025;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Chiến lược, đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn theo đề xuất tại Công văn số 135/XHNV-HCTH (Công văn kèm theo).

Điều 2. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn có trách nhiệm ban hành và triển khai thực hiện các nội dung của Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, phấn đấu đạt được các mục tiêu của Chiến lược phát triển đã đề ra.

Điều 3. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tổ chức đánh giá kết quả thực hiện hằng năm theo các mục tiêu của Chiến lược phát triển.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Trưởng ban các ban chức năng, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Các Phó Giám đốc ĐHQG-HCM;
- Lưu: VT, CLĐT (Phượng).

GIÁM ĐỐC

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Vũ Hải Quân

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2021 – 2030, TẦM NHÌN NĂM 2045

Thành phố Hồ Chí Minh – 2025

I. BỐI CẢNH VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Bối cảnh

Giáo dục đại học hiện nay đang trải qua những thay đổi sâu sắc, chịu tác động bởi nhiều yếu tố từ toàn cầu đến địa phương. Yếu tố toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế chi phối nền giáo dục. Giáo dục đại học không còn giới hạn trong phạm vi quốc gia. Các trường đại học ngày càng tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi sinh viên, giảng viên và nghiên cứu. Xu hướng này đòi hỏi các trường đại học phải nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để làm việc trong môi trường toàn cầu.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số mang tới nhiều thay đổi cho giáo dục đại học. Công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo đang thay đổi mạnh mẽ phương thức giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Các trường đại học cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào giáo dục, phát triển các chương trình đào tạo liên quan đến công nghệ và trang bị cho sinh viên những kỹ năng số cần thiết. Giáo dục đại học trong bối cảnh của AI, đòi hỏi cần có cái nhìn sâu sắc, đa chiều và đòi hỏi phải đầu tư nhiều cho công nghệ.

Sự thay đổi nhu cầu của thị trường lao động cũng có những tác động không nhỏ tới quá trình đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng của các cơ sở giáo dục đại học. Thị trường lao động ngày càng đòi hỏi nguồn nhân lực có kỹ năng mềm, khả năng tư duy sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề và khả năng thích ứng cao. Các trường đại học cần chú trọng phát triển các kỹ năng này cho sinh viên, đồng thời tăng cường liên kết với doanh nghiệp để nâng cao tính thực tiễn của chương trình đào tạo.

Sự thay đổi về nhu cầu học tập của sinh viên ngày càng đa dạng và thực tiễn. Sinh viên hiện nay có xu hướng lựa chọn các ngành học có tính ứng dụng cao, cơ hội việc làm tốt và khả năng phát triển bản thân. Trong khi các ngành khoa học cơ bản đang bị xem là thứ yếu. Các trường đại học cần đa dạng hóa chương trình đào tạo, cung cấp các chương trình đào tạo linh hoạt và đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của sinh viên. Đồng thời cần phải thay đổi chương trình đào tạo các ngành khoa học cơ bản để hấp dẫn hơn đối với người học.

Tự chủ đại học là một yêu cầu bắt buộc và sống còn đối với giáo dục đại học. Nhiều quốc gia đang đẩy mạnh trao quyền tự chủ cho các trường đại học, cho phép họ tự quyết định về chương trình đào tạo, nghiên cứu và quản lý tài chính. Tự chủ đại học tạo điều kiện cho các trường đại học linh hoạt hơn trong việc đáp ứng nhu cầu của xã hội, nhưng cũng đòi hỏi họ phải nâng cao năng lực quản trị và trách nhiệm giải trình.

Tại Việt Nam, giáo dục đại học đang trong quá trình đổi mới căn bản và toàn diện, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh quốc tế. Chính phủ Việt Nam đang đẩy mạnh trao quyền tự chủ cho các trường đại học, khuyến khích các trường đại học hợp tác quốc tế và tăng cường ứng dụng công nghệ vào giáo dục. Tuy nhiên, giáo dục đại học Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức, như chất lượng

đào tạo chưa đồng đều, thiếu hụt nguồn lực tài chính và sự gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp chưa chặt chẽ.

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐH KHXH&NV), trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM), nằm trong khu vực có nền kinh tế năng động và đóng góp lớn cho ngân sách quốc gia. Đây là nơi tập trung nhiều cơ hội phát triển giáo dục, Nghie, và ứng dụng công nghệ, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của đất nước. Nhà trường cùng các thành viên của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh mang trong mình sứ mệnh quan trọng là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời thực hiện các nghiên cứu khoa học (NCKH) xuất sắc nhằm đáp ứng nhu cầu của khu vực có tốc độ phát triển nhanh nhất đất nước. Trong bối cảnh nền kinh tế hiện đại đang tập trung vào các ngành công nghiệp, dịch vụ và công nghệ cao, nhu cầu về nguồn nhân lực không chỉ đòi hỏi chuyên môn vững chắc mà còn yêu cầu kiến thức sâu rộng về văn hóa, xã hội, và khả năng thích ứng linh hoạt trong môi trường làm việc đa dạng và thay đổi nhanh chóng. Chính vì vậy, chiến lược đào tạo nguồn nhân lực không chỉ chú trọng đến chất lượng giảng dạy mà còn đặc biệt quan tâm đến việc phát triển các kỹ năng mềm, khả năng tư duy phản biện và giải quyết các vấn đề phức tạp trong xã hội hiện đại. Nhà trường cung cấp chương trình đào tạo đa dạng, từ cử nhân, thạc sĩ đến tiến sĩ, với mục tiêu đào tạo những thế hệ cán bộ có khả năng phân tích, nghiên cứu và giải quyết những thách thức mà xã hội đang đối mặt, đồng thời đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước.

2. Cơ sở pháp lý

Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 quy định về thành lập, tổ chức lại và giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 hướng dẫn Luật Giáo dục;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2020 - 2021 và Nghị định 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 bổ sung Nghị định số 85/2015/NĐ-CP;

Thông tư số 14/2019/TT-BGD&ĐT ngày 30 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Quyết định 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025";

Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Thông báo số 542/TB-VPCP ngày 22 tháng 11 năm 2017 về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp thường trực Chính phủ về cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển Đại học quốc gia Hà Nội và Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Đà Nẵng thành các trung tâm đào tạo, nghiên cứu uy tín trong nước và khu vực;

Kết luận số 37-TB/TW ngày 26 tháng 5 năm 2011 của Bộ Chính trị về Đề án "Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công";

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ ĐH ĐHQG-HCM và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường ĐH KHXH&NV nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Quyết định số 1294/QĐ-ĐHQG ngày 15 tháng 9 năm 2022 về việc phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Công văn số 1741/ĐHQG-KHĐT ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc đề nghị rà soát, cập nhật Kế hoạch chiến lược của các đơn vị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

II. ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI, THÁCH THỨC

1. Điểm mạnh

- Trường ĐH KHXH&NV là một đơn vị đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng mạnh, có uy tín trong nước và quốc tế, đặc biệt trong các lĩnh vực như khoa học xã hội, khoa học hành vi và khoa học nhân văn. Với gần 70 năm hình thành và phát triển, USSH đã khẳng định uy tín và danh tiếng, trở thành một trong những cơ sở giáo dục đại học hàng đầu tại Việt Nam;
- Với lịch sử lâu đời, Trường ĐH KHXH&NV có một mạng lưới cựu sinh viên đông đảo, đang làm việc trong nhiều lĩnh vực khác nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác và phát triển;
- Nhà trường cung cấp nhiều ngành nghề đào tạo đa dạng, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và xã hội;
- Tinh thần đoàn kết giữa giảng viên, sinh viên và nhân viên luôn được đề cao, tạo nên môi trường học tập và làm việc thân thiện, hợp tác, khuyến khích sự phát triển toàn diện;
- Nhà trường có mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với nhiều tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở giáo dục trong và ngoài nước, mở ra nhiều cơ hội hợp tác và phát triển cho sinh viên và giảng viên;
- Là thành viên của ĐHQG-HCM, Trường ĐH KHXH&NV được hưởng nhiều lợi thế về nguồn lực và cơ hội học thuật, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu;
- Đội ngũ giảng viên và cán bộ của trường có trình độ chuyên môn cao, tâm huyết với nghề, luôn sẵn sàng đóng góp vào sự phát triển chung của trường và lĩnh vực giáo dục.

2. Điểm yếu

- So với các trường đại học kỹ thuật và công nghệ, Trường ĐH KHXH&NV có thể gặp khó khăn hơn trong việc thu hút nguồn tài trợ nghiên cứu và đầu tư cơ sở vật chất. Trong bối cảnh chuyển đổi số, Trường ĐH KHXH&NV cần đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, nghiên cứu và quản lý. Hệ thống dữ liệu còn phân tán, chưa hoàn chỉnh, gây khó khăn cho việc quản lý và khai thác thông tin;
- Bộ máy tổ chức còn cồng kềnh, có thể dẫn đến sự chậm trễ trong quá trình ra quyết định và triển khai công việc. Sự phối hợp giữa các đơn vị trong trường chưa thực sự hiệu quả, dẫn đến tình trạng chồng chéo và thiếu đồng bộ trong công việc. Một số cơ sở vật chất và trang thiết bị đã lạc hậu, thiếu đồng bộ, ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy và nghiên cứu;
- Chương trình đào tạo còn hạn chế và cần được cập nhật, đổi mới để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nhu cầu của thị trường lao động. Trường ĐH KHXH&NV cần

tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp để nâng cao tính thực tiễn của chương trình đào tạo và tạo cơ hội việc làm cho sinh viên;

- Mức thu nhập hiện tại chưa thực sự thu hút được đội ngũ giảng viên cũng như kì vọng sự toàn tâm toàn ý của viên chức người lao động, gây ảnh hưởng đến động lực làm việc cũng như sự gắn bó lâu dài với Nhà trường;

- Số lượng công bố quốc tế còn hạn chế, chưa phản ánh đúng tiềm năng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên có trình độ cao tại Trường.

3. Cơ hội

Toàn cầu hóa tiếp tục tạo động lực mạnh mẽ để Nhà trưởng mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút sinh viên và giảng viên nước ngoài, đồng thời nâng cao vị thế trên bản đồ giáo dục thế giới. Trong bối cảnh nền kinh tế - xã hội phát triển nhanh chóng, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn ngày càng gia tăng. Đây là cơ hội để Nhà trường khẳng định vai trò trong việc đào tạo, cung ứng nhân lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và định hướng phát triển bền vững của đất nước.

Từ năm 2022, Nhà trường được trao quyền tự chủ đại học ở mức độ 2, cho phép nâng cao tính chủ động trong đào tạo, nghiên cứu và quản lý tài chính. Giai đoạn 2025-2030 sẽ là thời điểm quan trọng để tận dụng lợi thế này nhằm đổi mới chương trình đào tạo theo hướng ứng dụng, kết hợp liên ngành để đáp ứng nhu cầu nhân lực trong kỷ nguyên số, phát triển các ngành học mới có tiềm năng, tăng cường hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu quốc tế nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu.

Bên cạnh đó, sự hỗ trợ từ các tổ chức tín dụng và quỹ đầu tư mang đến cơ hội nâng cấp cơ sở vật chất, hiện đại hóa trang thiết bị giảng dạy và nghiên cứu. Đây là tiền đề quan trọng để trường mở rộng đào tạo theo mô hình liên kết, đào tạo từ xa và các chương trình học trực tuyến nhằm tiếp cận nhiều đối tượng sinh viên hơn.

Nhà nước cũng có nhiều chính sách khuyến khích phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó các ngành khoa học cơ bản, trong đó có khoa học xã hội và nhân văn được quan tâm thông qua việc gia tăng ngân sách cho NCKH, thúc đẩy hợp tác quốc tế và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Ngoài ra, sự đầu tư từ Đại học Quốc gia đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển các dự án chiến lược của trường, đặc biệt là các nghiên cứu có tác động đến chính sách phát triển xã hội.

Với chiến lược rõ ràng, tận dụng tốt cơ hội từ bối cảnh hiện tại, Trường ĐH KHXH&NV hoàn toàn có thể khẳng định vị thế tiên phong trong đào tạo và NCKH xã hội và nhân văn, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của giáo dục đại học Việt Nam.

4. Thách thức

- Những biến động sâu sắc từ tình hình chính trị, kinh tế toàn cầu đang tác động mạnh mẽ đến hệ thống giáo dục đại học. Trường đại học phải đối mặt với áp lực điều chỉnh chiến lược phát triển nhằm duy trì chất lượng đào tạo và nghiên cứu trong điều kiện đầy bất ổn;

- Các sự kiện bất thường như thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề xã hội khác có thể gây gián đoạn nghiêm trọng đối với hoạt động của nhà trường. Việc xây dựng và triển khai các phương án dự phòng hiệu quả trở thành một thách thức lớn trong việc đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững;

- Tỷ lệ sinh giảm dẫn đến số lượng sinh viên đăng ký và ứng tuyển vào các trường đại học có xu hướng giảm, ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn lực vận hành và quy mô đào tạo. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc tìm kiếm các giải pháp đổi mới để thu hút người học;

- Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo buộc các trường đại học phải liên tục đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập và quản lý. Tuy nhiên, việc tiếp cận và ứng dụng công nghệ một cách hiệu quả vẫn là một bài toán nan giải đối với nhiều cơ sở đào tạo;

- Sự gia tăng về số lượng và chất lượng của các cơ sở giáo dục ngoài công lập cũng như quốc tế, với tiềm lực tài chính và chiến lược thu hút mạnh mẽ, đang tạo ra áp lực lớn cho các trường công lập trong việc duy trì sức hút đối với sinh viên và giảng viên. Việc nâng cao chất lượng dịch vụ và giữ chân đội ngũ nhân sự chất lượng cao trở nên cấp thiết;

- Người học ngày nay có xu hướng ưu tiên những ngành có tính ứng dụng thực tiễn và tiềm năng nghề nghiệp cao. Điều này buộc các trường đại học phải liên tục cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường lao động.

III. TẦM NHÌN VÀ SỨ MẠNG

1. Tầm nhìn

Xây dựng Trường ĐH KHXH&NV, thành viên trong hệ thống Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, trở thành cơ sở giáo dục đại học nghiên cứu hàng đầu của thế giới trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn mang bản sắc Việt Nam.

2. Sứ mạng

Trường ĐH KHXH&NV là trung tâm đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng tiêu biểu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; có sứ mạng tiên phong, dẫn dắt trong việc tạo ra các sản phẩm đào tạo, khoa học công nghệ, đóng góp thiết thực cho chiến lược phát triển kinh tế văn hóa xã hội của đất nước và xã hội.

IV. CÁC CHIẾN LƯỢC

1. Nâng cao hiệu quả quản trị đại học

1.1. Mục tiêu chung

Xây dựng bộ máy tinh gọn, quản trị hiệu quả, thông minh.

1.2. Mục tiêu cụ thể/Giải pháp/Đơn vị chủ trì/ Kết quả dự kiến (KPIs)

Mục tiêu cụ thể	Giải pháp	Đơn vị chủ trì	Kết quả dự kiến
Mục tiêu 1: Sáp nhập các đầu mối quản lý của Trường	Sáp nhập các đơn vị có những chức năng, nhiệm vụ gần nhau để giảm bớt đầu mối quản lý.	P. TC-CB	Giảm 50% đầu mối quản lý trong Trường
Mục tiêu 2: Hiện đại hóa công tác quản trị trên nền tảng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, thông minh; xây dựng cổng thông tin điện tử và hệ thống phần mềm quản trị hiện đại, đa ngôn ngữ.	- Xây dựng đề án chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo; Xây dựng hệ thống big data trong việc phân tích dữ liệu; quản lí dữ liệu tập trung, phân cấp, phân quyền; - Vận hành cổng thông tin điện tử của Trường trên nền tảng web và apps của 2 hệ Android và IOS.	P. HC-TH	100% dữ liệu được quản lý tập trung. 100% văn bản nội bộ được thực hiện trên nền tảng số.
Mục tiêu 3: Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào giảng dạy, đào tạo	- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá. Hoàn thiện hệ thống quản lý giảng dạy học tập trực tuyến; -Xây dựng và vận hành phần mềm quản lý chương trình đào tạo đáp ứng Đề án mô hình giáo dục khai phóng.	P. QLĐT, P. HC-TH và các phòng, các khoa.	Hệ thống quản lý học tập (LMS) được hoàn chỉnh, nối kết phát huy 80% các chức năng LMS; - 50% các môn học của CTĐT có bài giảng số; - 01 hệ thống phần mềm quản lý chương trình đào tạo có những chức năng quản lý cấu trúc CT ĐT theo đề án giáo dục khai phóng.

Mục tiêu 4: Đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin	- Nâng cấp trang thiết bị hạ tầng chuyển đổi số: đầu tư hệ thống máy chủ cấu hình mạnh, trang bị các card đồ họa chuyên dụng cho các tác vụ AI; - Xây dựng thư viện truyền thống kết hợp với thư viên số hiện đại.	P. QT-TB, P. HC-TH	Bảo đảm cho công tác lưu trữ dữ liệu lớn: lưu trữ toàn bộ 100% các dữ liệu thông tin của Nhà trường với dung lượng 588 TB.

2. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cơ sở giáo dục đại học nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển đội ngũ đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng phù hợp với định hướng xây dựng đại học nghiên cứu.

2.2. Mục tiêu cụ thể/Giải pháp/Đơn vị chủ trì/ Kết quả dự kiến (KPIs)

Mục tiêu cụ thể	Giải pháp	Đơn vị chủ trì	Kết quả dự kiến
Mục tiêu 1: Phát triển nguồn nhân lực theo hướng bền vững, chuyên nghiệp, thu hút và trọng dụng nhân tài, khuyến khích và tôn vinh tinh thần cống hiến	- Thực hiện đề án Thu hút, giữ chân và phát triển các nhà khoa học xuất sắc, các nhà khoa học đầu ngành nhằm thu hút đội ngũ có khả năng tư vấn và năng lực nghiên cứu hàng đầu; - Áp dụng quy trình tuyển dụng công khai, minh bạch và công bằng, ưu tiên những ứng viên có năng lực và đam mê với giáo dục.	P. TC-CB	Đạt 80% theo đề án
Mục tiêu 2: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	- Thực hiện các chương trình trao đổi giảng viên, nghiên cứu viên để học hỏi và ứng dụng các mô hình giáo dục, nghiên cứu hiệu quả; - Tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ	P. TC-CB	70% giảng viên có trình độ tiến sĩ;

	chuyên môn cho đội ngũ VC&NLĐ, trong đó chú trọng đến công tác đào tạo nhân lực trẻ; - Hỗ trợ, thúc đẩy viên chức đạt chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư; - Thực hiện công tác hậu tuyển dụng, tinh giản đối với những trường hợp không đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm; - Triển khai Chương trình giáo sư thỉnh giảng; - Cải thiện thu nhập cho viên chức, người lao động của Nhà trường.		
Mục tiêu 3: Chuẩn hóa năng lực các vị trí theo hướng hội nhập, chuyên nghiệp	- Xây dựng, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2025 - 2030; - Xây dựng hệ thống đánh giá VC&NLĐ theo KPI năng lực và vị trí việc làm.	P. TC-CB	100% VC&NLĐ được đánh giá theo KPI của vị trí việc làm.

3. Phát triển hoạt động đào tạo và bảo đảm chất lượng hướng đến chuẩn chất lượng quốc tế

3.1. Mục tiêu chung

Phát triển và quản lý hoạt động đào tạo phù hợp với mô hình khai phóng và phát triển bền vững theo xu hướng chuyển đổi số.

Bảo đảm và cải tiến chất lượng liên tục các hoạt động đào tạo hướng đến đạt chuẩn chất lượng quốc tế các chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục, đồng thời khẳng định chất lượng và phát triển thương hiệu của Nhà trường qua các bảng xếp hạng quốc tế.

Phát triển và quản lý chương trình đào tạo trên nền tảng khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng.

3.2. Mục tiêu cụ thể/Giải pháp/Đơn vị chủ trì/ Kết quả dự kiến (KPIs)

Mục tiêu cụ thể	Giải pháp	Đơn vị chủ trì	Kết quả dự kiến

Mục tiêu 1: Phát triển chương trình đào tạo liên ngành và quốc tế hóa	- Triển khai các đề án để phát triển và tổ chức các chương trình đào tạo phù hợp mô hình giáo dục khai phóng, theo xu hướng chuyển đổi số; - Xây dựng các chương trình đào tạo cử nhân và chương trình ngắn hạn theo hướng quốc tế hóa giáo dục; - Xây dựng tài nguyên học liệu số và tăng số lượng các chương trình đào tạo từ xa.	P. QLĐT, K. KHLN, P. BĐCL và các khoa	- 100% các chương trình đào tạo, đề cương môn học được xây dựng và tổ chức theo mô hình giáo dục khai phóng; - 04 chương trình ngắn hạn được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh; - Mỗi chương trình đào tạo có ít nhất 20% môn học được giảng dạy theo hình thức Blended learning (có bài giảng số); - 02 chương trình đào tạo được xây dựng theo hình thức đào tạo từ xa.
Mục tiêu 2: Phát triển các kỹ năng thích ứng với sự thay đổi của xã hội	- Xây dựng các học phần phát triển kỹ năng mềm; - Hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức xã hội để sinh viên có môi trường rèn luyện các kỹ năng; - Phát triển năng lực học tập suốt đời.	P. QLĐT, K. KHLN, P. BĐCL và các khoa	- Có 03 học phần kỹ năng mềm chung cho các chương trình đào tạo; - Năng lực học tập suốt đời được lồng ghép trong các học phần.
Mục tiêu 3: Xây dựng chương trình đào tạo hướng đến thể hiện trách nhiệm với xã hội	- Tích hợp các mục tiêu giáo dục bền vững vào chương trình đào tạo; - Mở các ngành đào tạo mới phù hợp với chiến lược đào tạo và giáo dục suốt đời, hướng người học thể hiện trách nhiệm và giải quyết các vấn đề xã hội.	P. QLĐT, P. CTSV và các khoa	- 100% các CTĐT thể hiện và thực hiện được sự tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững; - 02 dự án phục vụ cộng đồng/năm/khoa Sinh viên đạt được tối thiểu 25 điểm phục vụ cộng đồng;

			- 06 ngành đào tạo được mở mới ở bậc đại học và sau đại học.
Mục tiêu 4: Phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong	- Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý công tác BĐCL cấp Trường: quy trình, quy định, sổ tay chất lượng, các biểu mẫu khảo sát; - Phân tích, tổng hợp, đối sánh dữ liệu và xây dựng báo cáo kết quả giám sát chất lượng cấp CSGD (dựa trên Bộ chỉ số giám sát và đánh giá chất lượng đào tạo cấp CSGD; 01 năm học/báo cáo); - Phân tích, tổng hợp dữ liệu và xây dựng báo cáo kết quả giám sát chất lượng cấp CTĐT (dựa trên Bộ chỉ số giám sát và đánh giá chất lượng đào tạo cấp CTĐT; mỗi học kỳ); - Xây dựng mô hình giáo dục khai phóng, giám sát và cải tiến chất lượng chương trình.	P. BĐCL	- Các văn bản quản lý công tác BĐCL được rà soát, cập nhật; quy trình, quy định, sổ tay chất lượng, các biểu mẫu khảo sát được rà soát, cập nhật; - Báo cáo kết quả giám sát chất lượng cấp CSGD (dựa trên Bộ chỉ số giám sát và đánh giá chất lượng đào tạo cấp CSGD; 01 năm học/báo cáo); - Báo cáo kết quả giám sát chất lượng cấp CTĐT (dựa trên Bộ chỉ số giám sát và đánh giá chất lượng đào tạo cấp CTĐT; mỗi học kỳ); - Đề án Giáo dục khai phóng; - Tiêu chí chất lượng, kế hoạch giám sát, phân tích dữ liệu và báo cáo chất lượng.
Mục tiêu 5: Nâng cao năng lực về BĐCL cho đội ngũ cán bộ, giảng viên	- Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, tập huấn về BĐCL; - Đề cử nhân sự tham gia các khoá tập huấn về BĐCL trong và ngoài nước.	P. BĐCL	- Mỗi năm ít nhất có 02 khoá tập huấn phù hợp nhu cầu của đơn vị; - 90% nhân sự lãnh đạo, quản lý và

			chuyên trách về BĐCL được tập huấn phù hợp.
Mục tiêu 6: Giám sát chất lượng thông qua đánh giá ngoài và cải tiến chất lượng sau đánh giá	- Triển khai tự đánh giá và đánh giá ngoài và kiểm định theo các bộ tiêu chuẩn chất lượng trong nước và quốc tế; - Phân tích kết quả đánh giá ngoài của trường, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng; - Giám sát, đánh giá tiến trình và kết quả cải tiến chất lượng dựa trên bộ chỉ số và dữ liệu BĐCL.	P. BĐCL và các đơn vị liên quan	- Kế hoạch tự đánh giá, đánh giá ngoài, kiểm định cấp CSGD và CTĐT giai đoạn 2025 - 2030; - Kế hoạch cải tiến chất lượng; - Báo cáo phân tích, đối sánh dữ liệu cải tiến và minh chứng chất lượng được cải tiến.
Mục tiêu 7: Xếp hạng đại học xanh (Green Metric ranking) và xếp hạng ngành/ lĩnh vực theo thế mạnh của Trường	- Tự đánh giá dựa trên bộ tiêu chí đại học xanh và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng; - Xác định các ngành/ lĩnh vực thế mạnh với các nhóm nghiên cứu mạnh cấp cơ sở và cấp ĐHQG, xây dựng các chỉ số và kế hoạch xếp hạng ngành/ lĩnh vực, hướng đến xếp hạng QS Sustainability.	P. BĐCL, Đơn vị liên quan phối hợp	- Kế hoạch tự đánh giá và đăng ký xếp hạng Đại học Xanh (UI GreenMetric World University Randings); - Báo cáo theo bộ tiêu chí và minh chứng (UI GreenMetric World University Randings) hằng năm.

4. Phát triển khoa học và công nghệ, phục vụ cộng đồng

4.1. Mục tiêu chung

- Xây dựng đơn vị trở thành trung tâm nghiên cứu hàng đầu về khoa học xã hội và nhân văn trong cả nước, tiến tới trở thành một trong những trung tâm nghiên cứu uy tín và chất lượng của khu vực châu Á và thế giới;

- Nâng cao chất lượng NCKH, công nghệ và năng lực công bố khoa học, đóng góp thiết thực cho chiến lược đào tạo và phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội của đất nước và các địa phương.

4.2. Mục tiêu cụ thể/ Giải pháp/ Đơn vị chủ trì/ Kết quả dự kiến (KPIs)

Mục tiêu cụ thể	Giải pháp	Đơn vị chủ trì	Kết quả dự kiến
Mục tiêu 1: Tăng thành tích NCKH	- Tăng số lượng các nhóm nghiên cứu mạnh (NCM) đạt chuẩn; - Phát huy vai trò của Trung tâm hỗ trợ công bố quốc tế; - Duy trì và nâng dần chế độ ưu đãi, mức khen thưởng đối với công bố quốc tế; - Tổ chức các khóa tập huấn về kỹ năng NCKH cho mọi đối tượng.	P. ĐN&QLKH	- Số bài báo/báo cáo trong nước và quốc tế/GV/năm: 1,0; - Tỷ lệ trung bình một giảng viên cơ hữu công bố mỗi năm trên các TCQT uy tín: 0,3; - Công bố trung bình mỗi năm trên các TCQT uy tín: 100; - Sách chuyên khảo xuất bản mỗi năm: 05; - Nhóm NCM: 05.
Mục tiêu 2: Quốc tế hóa hoạt động NCKH	- Đẩy mạnh phối hợp với các đối tác trong nước và quốc tế nhằm tổ chức các hội nghị/hội thảo khoa học, nghiên cứu và công bố chung; - Phát huy vai trò của các nhóm nghiên cứu mạnh có sự tham gia của các nhà nghiên cứu quốc tế; - Tạo điều kiện/ hỗ trợ giảng viên, nghiên cứu viên đi nghiên cứu, trao đổi học thuật tại nước ngoài; - Tăng số lượng giảng viên, học giả nước ngoài đến giảng dạy và nghiên cứu.	P. ĐN&QLKH	- HN/HTQT: 10; - Cán bộ khoa học nước ngoài đến giảng dạy, nghiên cứu (ít nhất 01 học kỳ/năm): 10% tổng số cán bộ khoa học; - Hợp tác nghiên cứu quốc tế có công bố chung: 10; - Ít nhất 90% học giả/tổ chức QT đánh giá hài lòng về môi trường nghiên cứu, làm việc tại Trường ĐH KHXH&NV.
Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng các nghiên cứu cơ bản và đẩy mạnh các nghiên cứu ứng	- Ưu tiên triển khai các đề tài NCKH có tính ứng dụng; - Tăng cường các nghiên cứu liên ngành, đa ngành, đa lĩnh vực;	P. ĐN&QLKH	- Có ít nhất có 05 đề tài nghiên cứu ứng dụng được thực hiện;

dụng trong lĩnh vực KHXH&NV.	- Thương mại hóa các kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH (áp dụng các kết quả nghiên cứu, mô hình thử nghiệm vào các hoạt động thực tiễn, tư vấn phát triển kinh tế - xã hội; sản phẩm sách, bài báo phục vụ giảng dạy, góp ý chính sách, phản biện xã hội); - Định hướng ứng dụng các nghiên cứu cơ bản vào hoạt động tư vấn, xây dựng chính sách về kinh tế - văn hóa - xã hội (KT-VH-XH) tại các địa phương; và vào việc phát triển ngành.		- Có ít nhất 05 đề tài NCKH/ hoạt động khoa học có hợp tác với các trường thành viên trong hệ thống ĐHQG-HCM; - Có ít nhất 03 kết quả nghiên cứu từ các đề tài NCKH được thương mại hóa; - Báo cáo tư vấn, phản biện chính sách mang tầm vóc vùng/quốc gia/ quốc tế: 05.
Mục tiêu 4: Tăng cường gắn kết địa phương và phục vụ cộng đồng.	- Hỗ trợ các doanh nghiệp, địa phương nhằm nâng cao chất lượng nguồn lực; - Hỗ trợ và hợp tác với doanh nghiệp, địa phương trong hoạt động khoa học công nghệ, tư vấn và giải quyết các vấn đề cấp bách; - Đẩy mạnh các nghiên cứu gắn với sản phẩm đầu ra phục vụ nhu cầu thực tiễn của địa phương trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; - Đẩy mạnh hoạt động học tập phục vụ cộng đồng; - Phát huy vai trò và gắn nhiệm vụ của các trung tâm nghiên cứu thuộc Trường trong công tác tư vấn chính sách, nghiên cứu ứng dụng và phục vụ cộng đồng đối với các địa phương.	P. ĐN&QLKH	- Triển khai thành công ít nhất 03 chương trình hỗ trợ địa phương trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội; - Chương trình hợp tác với doanh nghiệp, địa phương mỗi năm: 02; - Nghiên cứu có gắn với sản phẩm đầu ra được triển khai: 05.

Mục tiêu 5: Đa dạng nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất phục vụ NCKH	- Đa dạng nguồn kinh phí dành cho hoạt động KH&CN như: nguồn ngân sách Nhà nước, nguồn thu sự nghiệp Trường, tài trợ từ cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế; - Khuyến khích các nhiệm vụ KH&CN, hoạt động hội nghị/hội thảo khoa học có vốn đối ứng từ bên ngoài; - Tăng cường triển khai các kế hoạch, đề tài NCKH gắn với chuyển giao KH&CN; - Tối ưu việc sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí dành cho NCKH của Trường; - Khai thác các dự án đầu tư chiều sâu cho KH&CN, tăng cường năng lực nghiên cứu của ĐHQG-HCM.	Các phòng: ĐN&QLKH, KH-TC; QT-TB	- Tỉ lệ kinh phí KH&CN và chuyển giao tri thức trên tổng kinh phí hoạt động mỗi năm: 10%; - Tỉ lệ kinh phí dịch vụ KH&CN và chuyển giao tri thức trên tổng kinh phí hoạt động KH&CN mỗi năm: 5%; - Tỷ trọng nguồn thu trung bình từ các hoạt động KHCN, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, chuyển giao trên tổng thu: 15%.

5. Xây dựng cơ sở vật chất và tài chính đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học

5.1. Mục tiêu chung

- Xây dựng khuôn viên Trường đại học xanh, có bản sắc riêng, hiện đại đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, học tập và sinh hoạt;

- Quản trị tài chính hiệu quả và bền vững đáp ứng mục tiêu phát triển của Nhà trường.

5.2. Mục tiêu cụ thể/Giải pháp/Đơn vị chủ trì/ Kết quả dự kiến (KPIs)

Mục tiêu cụ thể	Giải pháp	Đơn vị chủ trì	Kết quả dự kiến
Mục tiêu 1: Hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tại cơ sở Thủ Đức	- Phối hợp với địa phương hoàn thành công tác thu hồi, giải phóng mặt bằng; - Tăng cường công tác quản lý chống tái lấn chiếm tại Cơ sở Thủ Đức.	- P. QTTB; - Đơn vị phối hợp: Ban Quản lý Cơ sở Thủ Đức; Ban Đền bù giải phóng mặt bằng thành phố Thủ Đức;	- Thu hồi diện tích đất bị lấn chiếm (Diện tích đất giải tỏa thu hồi đạt 100% (20,35 ha); - Được cấp Giấy chứng nhận quyền

		Ban Quản lý dự án xây dựng ĐHQG-HCM.	sử dụng đất tại Cơ sở Thủ Đức.
Mục tiêu 2: Cơ bản hoàn thành việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại phù hợp với tiêu chí đại học xanh, thân thiện với môi trường	- Cơ sở Đinh Tiên Hoàng: Đầu tư xây dựng trung tâm Nghiên cứu và Hợp tác Quốc tế Khoa học Xã hội và Nhân văn tại Thành phố Hồ Chí Minh; - Cơ sở Thủ Đức: + Trong giai đoạn 2026-2030: Đầu tư xây dựng công trình nhà học NV.B4-2, NV.A2; Nhà NV.B8-1; Xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn trước khi đổ thải vào trạm xử lý nước thải của ĐHQG-HCM; Giai đoạn 2030-2032: Đầu tư xây dựng công trình Thư viện Trung tâm – Bảo tàng lịch sử văn hóa NV.A3; + Cơ bản thay thế các thiết bị tiêu thụ điện, nước hiện đại tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường.	P. QTTB	- Cơ sở Đinh Tiên Hoàng: diện tích sàn xây dựng mới đạt: 24.305/37.415 m^2 (đạt 64,2%); - Cơ sở Thủ Đức: trong giai đoạn 2026-2030: diện tích sàn xây dựng mới đạt: 60.831/220.000 m^2 (đạt 27,65%); Giai đoạn 2030-2032 đạt: 89.971/220.000 m^2 (đạt 40,89%) theo Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng được Bộ Xây dựng phê duyệt; - Đạt 100% diện tích đất trống được quy hoạch làm mảng xanh, trang trí tiểu cảnh trong khuôn viên hai cơ sở (đạt 6,19/20,35 ha) theo Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng được Bộ Xây dựng phê duyệt; - Tự đánh giá đạt 8.000 điểm về đại học xanh theo Hệ

			thống thang điểm của UI GreenMetric World University Rankings được phân bổ dựa trên 6 tiêu chí chính, với tổng điểm tối đa là 10.000 điểm.
Mục tiêu 3: Đa dạng hóa nguồn thu	Gắn kết tăng trưởng bền vững nguồn thu học phí với nâng cao chất lượng đào tạo; xây dựng lộ trình điều chỉnh học phí khi hợp nhất các chương trình đào tạo đại học chính quy.	P. KH-TC; P. QLĐT	- Tỉ lệ tăng bình quân của tổng nguồn thu năm sau so với năm trước: 10%/năm; - Nguồn thu từ các hoạt động ngoài học phí chiếm tỷ trọng từ 15% - 20% /năm so với tổng thu.
	Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp và địa phương trong hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) nhằm tăng nguồn thu từ hoạt động này.	P. KH-TC; P. ĐN&QLKH	
	Tăng cường tài trợ: xây dựng các chính sách nhằm thu hút nguồn tài trợ từ cựu sinh viên, nhà tài trợ và các đối tác doanh nghiệp trong và ngoài nước.	P. KH-TC P. ĐN&QLKH P. TT&QHDN	
	Phát triển nguồn thu từ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ.	P. KH-TC P. QLĐT Trung tâm, dịch vụ	
Mục tiêu 4: Quản lý chi phí hiệu quả	- Bảo đảm nguồn lực tài chính được phân bổ hợp lý cho các hoạt động, đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường;	P. KH-TC	Đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của nhà

	- Sử dụng hiệu quả và đúng quy định các nguồn lực tài chính.	P. KH-TC	trường với quy mô ngày càng phát triển.
	Phân tích, dự báo, hoạch định tài chính hàng năm, bảo đảm ổn định tài chính và giảm thiểu rủi ro.	P. KH-TC	

6. Đầu tư toàn diện cho người học

6.1. Mục tiêu chung

Kiến tạo môi trường rèn luyện, hội nhập quốc tế và khả năng thích ứng với môi trường lao động cho sinh viên; đào tạo sinh viên trở thành những công dân thời đại mới có đầy đủ tri thức, đạo đức, nghề nghiệp hạnh phúc và sống nhân bản, trách nhiệm xã hội.

6.2. Mục tiêu cụ thể/Giải pháp/Đơn vị chủ trì/ Kết quả dự kiến (KPIs)

Mục tiêu cụ thể	**Giải pháp**	**Đơn vị chủ trì**	**Kết quả dự kiến**
Mục tiêu 1: Kiến tạo văn hóa đại học theo chuẩn **Người Nhân văn**	- Ban hành Khung hoạt động công tác sinh viên Trường làm cơ sở cho định hướng chiến lược CTSV theo văn hóa **Người Nhân văn**; - Đẩy mạnh các hoạt động rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, trí tuệ cảm xúc, thị hiếu thẩm mỹ, thể thao....; - Thực hiện tốt các hoạt động hỗ trợ phục vụ sách, tài liệu khoa học cho sinh viên; phát triển văn hoá đọc; - Triển khai các nội dung của Quy tắc ứng xử người Nhân văn.	Các đơn vị: P. CTSV, ĐTN, HSV, các khoa.	-100% khoa có chương trình hỗ trợ hội nhập, kỹ năng cần thiết cho tân sinh viên; -100% người học được hỗ trợ khi có yêu cầu. -100% sinh viên tham gia Tuần sinh hoạt công dân sinh viên; -100% sinh viên tham gia hoạt động phục vụ cộng đồng.
Mục tiêu 2: Nâng cao năng lực hội nhập quốc tế	- Chú trọng phát triển kỹ năng giao tiếp đa văn hóa, hội nhập quốc tế; - Phát triển năng lực sử dụng ngoại ngữ và công nghệ;	Các đơn vị: P. CTSV, P. ĐN&QLKH, P. QLĐT, P. TT&QLSK,	- 100% sinh viên rèn luyện kỹ năng hội nhập quốc tế; - 100% sinh viên được giới thiệu về các mục

	- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, hướng dẫn thực hành lối sống bền vững; - Tổ chức các chương trình giao lưu quốc tế, tìm hiểu các nền văn hóa, trao đổi học thuật...	ĐTN, HSV, TTNN&TH, Công ty Văn Khoa, các khoa.	tiêu phát triển bền vững; - Tổ chức 10 chương trình thực tập, giao lưu quốc tế/ năm.
Mục tiêu 3: Sinh viên thích nghi tốt với môi trường lao động	- Cập nhật thông tin về xu hướng thị trường lao động, việc làm cho SV; - Tổ chức các hoạt động tập huấn nâng cao năng lực thích ứng với môi trường lao động, việc làm; - Phát triển nguồn học liệu số các kỹ năng trong tuyển dụng; - Tổ chức hiệu quả các hoạt động hỗ trợ việc làm, ngày hội tuyển dụng...	Các đơn vị: P. CTSV, P. TT&QLSK, các khoa	- Trường, khoa tổ chức tập huấn về hội nhập thị trường lao động cho 100% SV năm 3,4; - Phát triển mỗi năm 3 sản phẩm bài giảng số về nghề nghiệp, tuyển dụng; - Tổ chức 1 ngày hội việc làm/ năm, có 1 trang website GTVL hoạt động hiệu quả.
Mục tiêu 4: hỗ trợ tài chính cho người học	- Phát triển chương trình học bổng hỗ trợ; - Thực hiện chương trình cho vay ưu đãi, hỗ trợ tài chính cho người học.	Các đơn vị: P. CTSV, P. KH-TC, ĐTN, HSV.	- Mỗi năm tăng 10% học bổng tài trợ; - Có 05 chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên.
Mục tiêu 5: Tư vấn và chăm sóc sức khỏe	- Thực hiện đồng bộ các giải pháp: khám sức khỏe định kỳ, tham gia BHYT, BHTN,...; - Tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn sức khỏe thể chất và tinh thần cho sinh viên.	Các đơn vị: P. CTSV, K.TLH, ĐTN, HSV, Trạm Y tế	- 100% sinh viên được khám sức khỏe và tham gia BHYT; - 100% sinh viên được truyền thông về y tế, sức khỏe; được tư vấn khi có nhu cầu hỗ trợ.
Mục tiêu 6: Lắng nghe phản hồi từ người học	Thành lập Hội đồng sinh viên đóng góp ý kiến để nhận phản hồi những ý kiến từ SV đến lãnh đạo Trường.	P. CTSV	Tổ chức hội nghị lắng nghe tiếng nói của sinh viên 2 năm/ lần.

V. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU (KPIs)

STT	TÊN CHIẾN LƯỢC	CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ	KPIs GIAI ĐOẠN 2021-2030
1	**Nâng cao hiệu quả quản trị đại học**	Tỷ lệ giảm số lượng các đầu mối quản lý .	50%
		Hệ thống văn bản nội bộ được thực hiện qua hệ thống văn phòng điện tử.	100%
2	**Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cơ sở giáo dục đại học nghiên cứu**	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ.	70%
3	**Phát triển hoạt động đào tạo và đảm bảo chất lượng hướng đến chuẩn chất lượng quốc tế**	Tổ chức các CTĐT phù hợp mô hình giáo dục khai phóng và phát triển bền vững theo xu hướng chuyển đổi số.	80%
		Tỉ lệ CTĐT đạt chuẩn quốc tế/ tổng số CTĐT được kiểm định.	75%
		Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm sau 01 năm.	90%
		Tỷ lệ các bên liên quan hài lòng đối với các hoạt động của Nhà trường.	80%
4	**Phát triển KH&CN, phục vụ cộng đồng**	Số lượng công bố trung bình mỗi năm trên các tạp chí quốc tế uy tín.	100
		Báo cáo tư vấn, phản biện chính sách cũng như các hoạt động tư vấn, xây dựng chính sách về KT-VH-XH cho bộ/ngành, địa phương được thực hiện.	05
		Số lượng các hoạt động tư vấn, xây dựng chính sách về KT-VH-XH cho bộ/ngành, địa phương được thực hiện.	04
5	**Xây dựng cơ sở vật chất và tài chính đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học**	Tự đánh giá điểm về đại học xanh theo Hệ thống thang điểm của UI GreenMetric World University Rankings.	8.000/ 10.000 điểm
		Tỷ trọng nguồn thu ngoài học phí so với tổng nguồn thu.	15% - 20% trên tổng thu

6	**Đầu tư toàn diện cho người học**	Tỷ lệ người học tham gia các hoạt động rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, thể thao, thẩm mỹ, hội nhập quốc tế…	100%

VI. QUẢN TRỊ RỦI RO

Để giảm thiểu rủi ro trong quá trình thực hiện chiến lược của cơ sở giáo dục đại học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM đã triển khai các kế hoạch sau:

1. Lĩnh vực quản trị rủi ro tài chính

1.1. Đa dạng hóa nguồn thu

- Không phụ thuộc quá nhiều vào nguồn ngân sách nhà nước;
- Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, tổ chức để thu hút tài trợ, tài trợ nghiên cứu trong và ngoài nước;
- Phát triển các chương trình đào tạo ngắn hạn, các khóa học trực tuyến để tăng nguồn thu.

1.2. Quản lý chi tiêu hiệu quả

- Xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, kiểm soát chi tiêu chặt chẽ;
- Ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực trọng điểm, tránh lãng phí;
- Tìm kiếm các giải pháp tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa nguồn lực.

2. Lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu

2.1. Cập nhật chương trình đào tạo

- Thường xuyên rà soát, cập nhật chương trình đào tạo để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động;
- Xây dựng các chương trình đào tạo ngắn hạn theo hướng học tập suốt đời;
- Tăng cường các kỹ năng mềm, kỹ năng số cho sinh viên;
- Đẩy mạnh các chương trình đào tạo liên kết quốc tế, liên kết với cơ quan, doanh nghiệp.

2.2. Phát triển nghiên cứu khoa học

- Đầu tư vào các lĩnh vực nghiên cứu trọng điểm, có tiềm năng phát triển;
- Tăng cường hợp tác nghiên cứu với các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước;
- Tạo điều kiện, khuyến khích giảng viên và sinh viên tham gia NCKH.

2.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên

- Có chính sách thu hút và giữ chân giảng viên có trình độ cao;
- Tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn;

- Tăng cường tính quốc tế hóa cho đội ngũ giảng viên.

3. Lĩnh vực quản trị

3.1. Xây dựng bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu quả

- Rà soát, tinh gọn bộ máy quản lý, tránh chồng chéo;
- Tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao tính tự chủ cho các đơn vị;
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành.

3.2. Tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình

- Công khai các thông tin về hoạt động của Trường;
- Xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động;
- Tăng cường sự tham gia của các bên liên quan vào quá trình ra quyết định.

3.3. Đẩy mạnh chuyển đổi số

- Tăng cường đầu tư vào hạ tầng công nghệ thông tin;
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, học tập, nghiên cứu;
- Xây dựng hệ thống dữ liệu số hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác và sử dụng thông tin và dữ liệu dùng chung.

4. Lĩnh vực hợp tác và hội nhập quốc tế

4.1. Mở rộng mạng lưới đối tác

- Tăng cường hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài nước;
- Tham gia các tổ chức, hiệp hội giáo dục quốc tế;
- Thu hút sinh viên và giảng viên quốc tế.

4.2. Nâng cao năng lực hội nhập

- Xây dựng các chương trình đào tạo song ngữ, quốc tế;
- Tăng cường trao đổi sinh viên, giảng viên với các trường đại học nước ngoài;
- Nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ, giảng viên và sinh viên.

5. Ứng phó với biến động

5.1. Xây dựng kế hoạch dự phòng

- Xây dựng các kịch bản ứng phó với các tình huống khẩn cấp như dịch bệnh, thiên tai, khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng truyền thông;
- Đảm bảo hoạt động của trường không bị gián đoạn trong mọi tình huống.

5.2. Tăng cường khả năng thích ứng

- Xây dựng văn hóa tổ chức linh hoạt, sáng tạo;
- Khuyến khích đổi mới, sáng tạo trong mọi hoạt động;

- Thường xuyên cập nhật thông tin, nắm bắt xu hướng phát triển của giáo dục đại học.

VII. DỰ TRÙ KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí xây dựng Chiến lược giai đoạn 2021-2030 cho những năm từ 2026-2030

ĐVT: triệu đồng

Chiến lược	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
Chiến lược 1: Nâng cao hiệu quả quản trị đại học	103.036	118.491	136.265	156.705	180.211
Chiến lược 2: Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cơ sở giáo dục đại học nghiên cứu	209.735	241.195	277.375	318.981	366.828
Chiến lược 3: Phát triển hoạt động đào tạo và bảo đảm chất lượng hướng đến chuẩn chất lượng quốc tế	184.888	212.621	244.514	281.192	323.370
Chiến lược 4: Phát triển KH&CN, phục vụ cộng đồng	12.874	14.805	17.026	19.580	22.517
Chiến lược 5: Xây dựng cơ sở vật chất và tài chính đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học	42.584	48.972	56.317	64.765	74.480
Chiến lược 6: Đầu tư toàn diện cho người học	34.726	39.935	45.925	52.814	60.736